

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HS-ST  
Ngày: 30-9-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn An

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đoàn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 7 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

**Trần Thị Ngọc L**, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn O, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Chồng: Đỗ Khánh H, sinh năm 1988 (đã ly hôn), con: Có 01 người sinh năm 2014; Em ruột: 01 người.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:*** Anh Võ Duy K, sinh năm 1987. Cư trú tại: Khu phố N, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trần Thị Ngọc L và chị Phạm Huỳnh Thanh T, sinh năm 1991, ngụ khu phố HĐ, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh là bạn bè quen biết nhau từ trước. Vào ngày 15 và ngày 16 tháng 12 năm 2020, Trần Thị Ngọc L hỏi mượn chị T số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, hẹn 10 ngày sẽ trả. Do không có tiền nên chị T mượn bạn là anh Võ Duy K, sinh năm 1987, ngụ Khu

phố N, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh số tiền 200.000.000 đồng đưa L. Quá hẹn, chị T đòi lại tiền thì L tiếp tục hẹn vài ngày sẽ trả. Đến ngày 20 tháng 01 năm 2021, thấy L chưa trả nên chị T nói với L, số tiền đưa L mượn là chị mượn từ anh K, anh K yêu cầu L trả lại số tiền trên. Do không có khả năng thanh toán tiền nợ cho anh K nên L nảy sinh ý định lừa anh K chiếm đoạt số tiền tiêu xài cá nhân bằng thủ đoạn gian dối sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả đã đặt mua trên mạng vào năm 2019 của một người không rõ họ tên địa chỉ với số tiền 9.000.000 đồng để thực hiện giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K với giá trị 250.000.000 đồng. Sau khi liên lạc và thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cân trừ nợ và thỏa thuận thêm 50.000.000 đồng thì anh K đồng ý.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả số CT 286387, số vào sổ cấp GCN: CS09882, ngày 17 tháng 10 năm 2019 đứng tên sở hữu Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1988, giấy chứng minh nhân dân số 290946602, địa chỉ ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh đến Văn phòng công chứng Trần Duy Linh tại Khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh K với số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Công chứng viên phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có dấu hiệu làm giả nên điện báo Công an đến làm việc.

Kết luận giám định số 154/KL-KTHS ngày 06/02/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 286387, số vào sổ cấp GCN: CS09882, ngày 17 tháng 10 năm 2019 cần giám định là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả được in bằng phương pháp in phun màu.

Về phân trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo có ý định chiếm đoạt, anh Võ Duy K chưa đưa tiền nên không yêu cầu. Đối với số tiền 200.000.000 đồng cho L mượn, anh K đã nhận lại nên không yêu cầu gì thêm.

Qua xác minh, thể hiện: Trần Thị Ngọc L không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKSTPTN ngày 14-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

*Trong phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát trình bày luận tội, rút một phần nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan”.

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 57, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 02

(hai) năm đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan”.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa nhận tiền của anh Nguyễn Duy K nên anh K không yêu cầu bồi thường.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo không tham gia tranh luận, không trình bày lời bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện:

[2.1] Để có tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị Ngọc L nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả mang tên mình, là tài sản hợp pháp của người khác, thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho anh Võ Duy K để chiếm đoạt số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 27 tháng 01 năm 2021, Trần Thị Ngọc L đến Văn phòng công chứng Trần Duy Linh thuộc Khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã đặt làm giả từ năm 2019, làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K thì bị phát hiện.

Kết luận giám định số 154/KL-KTHS ngày 06/02/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 286387, số vào sổ cấp GCN: CS09882, ngày 17 tháng 10 năm 2019 cần giám định là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả được in bằng phương pháp in phun màu.

[2.2] Xét bản chất giao dịch giữa anh K và bị cáo là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bản thân bị cáo biết rõ bị cáo không có tài sản gì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo thỏa thuận chuyển nhượng cho anh K là giả nhưng bị cáo vẫn tiến hành thủ tục công chứng chuyển nhượng cho anh K phần đất thuộc thửa số 715, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tại Văn phòng Công chứng Trần Duy Linh. Đối với số tiền bị cáo mượn của anh K 200.000.000 đồng là một giao dịch dân sự bị cáo đã thực hiện trước đó, việc bị

cáo chuyển nhượng đất cho anh K với giá 250.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận trong 3 tháng bị cáo L có tiền sẽ chuộc lại đất. Như vậy, mục đích của bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng cho anh K là nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo bị Văn phòng công chứng phát hiện sử dụng giấy tờ giả nên không công chứng hợp đồng và bị cáo chưa nhận được số tiền 50.000.000 đồng của anh K là nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

[2.3] Tại phiên tòa, bị cáo L thống nhất với các tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, đồng ý các kết luận giám định và thừa nhận việc bị cáo làm là sai trái, bị truy tố, xét xử là không có oan, sai cho bị cáo. Lời khai của bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử là tự nguyện, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh truy tố đối với bị cáo L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cụ thể:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo tự nguyện trả cho anh K 200.000.000 đồng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
- Bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 50.000.000 đồng thì bị bắt quả tang, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 57 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.
- Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và đây lần phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng. Vì thế, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà

áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và cải tạo không giam giữ cũng đủ sức sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng; bị cáo làm nghề buôn bán nhỏ lẻ thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại anh Võ Duy K không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Về xử lý vật chứng: 01 Giấy CMND mang tên Trần Thị Ngọc L không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[6] Đối với người làm giấy giả cho Trần Thị Ngọc L do không rõ họ tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Xét lời luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 15; Điều 57; Điều 54; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục; người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Trần Thị Ngọc L cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Thị Ngọc L.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan”, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

**2.** Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo 01 bản chính giấy Chứng minh nhân dân số 290946602 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06-4-2015 mang tên Trần Thị Ngọc L.

**3.** Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV.TAT;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an TP.Tây Ninh;
- VKSND TP. Tây Ninh;
- Cơ quan THA phạt tù;
- Chi cục THADS TP.Tây Ninh;
- UBND phường Ninh Thạnh, Tp.Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Văn An**